



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2008

I. Lịch sử hoạt động của công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cao su Đà Nẵng trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt nam, tiền thân là một xưởng lắp vỏ xe ô tô được Tổng cục hóa chất Việt Nam tiếp quản và chính thức được thành lập vào tháng 12 năm 1975.

Công ty Cao su Đà Nẵng được thành lập lại theo Quyết định số 320/QĐ/TCNSĐT ngày 26/5/1993 của Bộ Công Nghiệp Nặng.

Ngày 10/10/2005 theo Quyết định số 3241/QĐ-TBCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Công ty Cao su Đà Nẵng được chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

Ngày 01/01/2006 Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ là: 92.475.000.000 đồng, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000850 ngày 31/12/2005 do sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Ngày 28/11/2006 Ủy ban chứng khoán Nhà Nước có Quyết định số 86/UBCK/GPNY về việc cấp giấy phép niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Số lượng cổ phiếu niêm yết là: 9.247.500 cổ phiếu với tổng giá trị là 92.475.000.000 đồng (Mệnh giá: 10.000.đồng/ 1 cổ phiếu)

Ngày 25/12/2006 Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo số 859/TTGDHCM/NY về việc niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng. Số lượng cổ phiếu niêm yết là: 9.247.500 cổ phiếu với tổng giá trị chứng khoán niêm yết: 92.475.000.000 đồng (Mệnh giá: 10.000.đồng/ 1 cổ phiếu). Ngày niêm yết có hiệu lực: 28/11/2006. Ngày chính thức giao dịch: 29/12/2006

Ngày 31/05/2007 Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo số 427/TTGDHCM-NY về việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu phát hành thêm từ lợi nhuận được chia năm 2007 của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là: 3.791.052 cổ phiếu với tổng giá trị chứng khoán niêm yết bổ sung: 37.910.520.000 đồng (Mệnh giá: 10.000.đồng/ 1 cổ phiếu). Ngày niêm yết có hiệu lực: 28/05/2007. Ngày chính thức giao dịch: 06/06/2007.

Ngày 11/08/2008 Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo số 584/TB-SGDHCM về việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu phát hành thêm từ lợi nhuận được chia trong năm 2008 của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là: 2.346.072 cổ phiếu với tổng giá trị chứng khoán niêm yết bổ sung: 23.460.720.000 đồng (Mệnh giá: 10.000.đồng/ 1 cổ phiếu). Ngày niêm yết có hiệu lực: 05/08//2008. Ngày chính thức giao dịch: 15/08/2008.

Hiện tại, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng: 15.384.624 cổ phiếu với tổng giá trị chứng khoán: 153.846.240.000 đồng.

Giới thiệu về công ty:

Tên đầy đủ: **Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng**

Tên giao dịch Quốc tế: **DANANG RUBBER JOINT – STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **DRC**

Địa chỉ: **Số 1 Lê Văn Hiến, TP. Đà Nẵng**

Điện thoại: **0511.3847408** Fax: **0511.3836195**

2. Quá trình phát triển:

Với hơn 33 năm trưởng thành và phát triển, Công ty tự hào là một trong những doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm về lĩnh vực sản xuất các sản phẩm công nghiệp cao su, và các quy cách lốp siêu trường siêu trọng phục vụ công trình và mỏ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng là Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại sản phẩm và vật tư thiết bị cho ngành công nghiệp cao su; chế tạo, lắp đặt thiết bị cho ngành công nghiệp cao su; kinh doanh thương mại, dịch vụ tổng hợp.

Năm 2008, trước những biến động lớn của nền kinh tế Công ty vẫn tiếp thu và áp dụng những tiến bộ kỹ thuật mới, phát huy tinh thần lao động của CBCNV thực hiện thành công các đề tài tiến bộ kỹ thuật mang lại hiệu quả kinh tế cao, phong trào nâng cao chất lượng sản phẩm được hưởng ứng, củng cố và tăng lên không ngừng, đồng thời phát huy tinh thần tiết kiệm chống lãng phí đã mang lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh, đưa Công ty từng bước vượt qua những khó khăn hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, năm 2008 so với năm 2007: doanh thu tăng 11.14%; Xuất khẩu tăng 51.69 %; nộp ngân sách tăng 0.74%; lợi nhuận đạt 51.789 tỷ đồng.

Công ty cũng đã tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực sản xuất đặc biệt là đầu tư và đưa vào hoạt động dự án mở rộng nâng công suất lốp đặc chủng quy cách 24.00–35 từ 1000 bộ/năm lên 2.500 bộ/năm, dự án sản xuất lốp đặc chủng 27.00-49 công suất 800 bộ /năm, và khẳng định sản xuất lốp đẳng chủng là mũi nhọn trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 và những năm tiếp theo. Từ năm 2006 Công ty chú trọng đẩy mạnh công tác tiêu thụ vào các đối tượng lắp ráp ô tô, khách hàng sử dụng lốp ô tô chuyên dùng, đây là lợi thế riêng có của DRC, quyết định lớn đến tốc độ tăng trưởng và hiệu quả SXKD của Công ty trong những năm qua. Tiếp tục nghiên cứu đưa ra thị trường các sản phẩm mới nhằm khai thác triệt để hiệu quả công suất máy móc thiết bị, thị trường của Công ty ngày càng được mở rộng, sản phẩm DRC đã có mặt tại triển lãm quốc tế lốp ô tô Singapore vào tháng 6 năm 2007 khẳng

định một lần nữa sự lớn mạnh của Công ty, từng bước sánh vai cùng với các hãng sản xuất lốp ô tô hàng đầu thế giới.

Trong những năm gần đây, công ty được đánh giá là một trong những đơn vị hoạt động hiệu quả nhất tại Đà Nẵng với những thành tích đạt được như sau:

Stt	Thành tích	Đơn vị cấp
1	Nhiều Huân chương Lao động Hạng Nhất, Hạng Nhì, Hạng Ba các năm 2000 và năm 2005	Nhà nước
2	Cờ dẫn đầu thi đua của Chính phủ liên tục các năm từ năm 1999 đến năm 2003	Chính phủ
3	Được người tiêu dùng bình chọn: “Hàng Việt Nam chất lượng cao” liên tục các năm từ năm 1998 đến năm 2006	Báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức bình chọn
4	10 năm liên được bầu là “Hàng Việt Nam được yêu thích nhất”	Báo Đại Đoàn Kết tặng huy hiệu 10 năm
5	Giám đốc được công nhận là “Nhà Doanh nghiệp giỏi”, được trao tặng chân dung Bạch Thái Bưởi	Bộ Công nghiệp
6	Giải thưởng chất lượng Việt Nam	Tổng cục TC – ĐLCL
7	Nguyên Giám đốc Phan Trung Thu được phong tặng “Anh hùng lao động”	Nhà nước
8	Đạt cúp Sen Vàng Việt Nam	Bộ Công nghiệp
9	Huy chương vàng Lớp Ô tô, Lớp Xe đạp, Lớp xe máy DRC năm 2003	Bộ Công nghiệp
10	Giấy chứng nhận sản phẩm DRC phù hợp tiêu chuẩn Quốc tế	Bộ Công nghiệp
11	Nhiều cúp Vàng, Huy chương Vàng tại các triển lãm, hội chợ trong nước và Quốc tế từ năm 1997 đến năm 2005	Các tổ chức trong nước và nước ngoài
12	Cúp Vàng Đà Nẵng	UBND TP. Đà Nẵng
13	Top 100 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam 2004 – 2005	Thời báo Kinh tế bình chọn
14	Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2000	Quacert
15	Chứng nhận đạt Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản (JIS)	Quacert
16	Bằng khen của Bộ Thương Mại Lào – sản phẩm Việt Nam được yêu thích	Bộ Thương Mại Lào
17	Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2004	Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam
18	Cúp Vàng Top ten Thương hiệu Việt năm 2005 và năm 2006	Bình chọn qua mạng Internet
19	Được chọn lớp ô tô là 01 trong 05 sản phẩm chủ lực của Tp. Đà Nẵng thời kỳ hội nhập	UBND Tp. Đà Nẵng
20	Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2006	Hội Doanh nghiệp trẻ VN
21	Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phát triển sản	Ủy ban Quốc gia về hợp

	phẩm và thương hiệu tham gia hội nhập kinh tế quốc tế	tác kinh tế quốc tế
22	Cờ thi đua xuất sắc năm 2007 của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt nam	Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt nam
23	Cờ thi đua xuất sắc năm 2007 của Bộ Công Nghiệp	Bộ Công Nghiệp
24	Thương hiệu Vàng năm 2007	Hiệp hội chống hàng giả–Bảo vệ thương hiệu
25	Cúp topten thương hiệu Việt hội nhập WTO	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật VN
26	Xác lập kỷ lục chiếc lốp ô tô lớn nhất Việt Nam	Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam
27	Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2008	Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế
28	Bằng khen có thành tích xuất sắc trong xây dựng , phát triển thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế .	Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế
29	Hàng Việt Nam chất lượng cao 2008.	Báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức bình chọn
30	Thương hiệu chứng khoán uy tín , Công ty Cổ Phần hàng đầu Việt Nam 2008.	Hiệp hội kinh doanh chứng khoán VN,UB chứng khoán Nhà nước và các đơn vị khác kết hợp bình chọn
31	Tốp 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2008	Báo điện tử VietNamNet kết hợp CT CP báo cáo đánh giá VN

Đồng chí Hà Phước Lộc P. TGD Công ty (thứ 2 từ trái sang) bên chiếc lốp được xác nhận kỷ lục chiếc lốp Ôtô lớn nhất Việt Nam

II. Báo cáo của Hội Đồng quản trị:

Về thuận lợi:

Với tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế Việt nam trong những năm qua đã tạo ra nhu cầu rất lớn đối với các sản phẩm của ngành công nghiệp cao su, đây là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp trong nước đẩy mạnh việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm nội địa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Mô hình công ty cổ phần đã thúc đẩy không ngừng sự phát triển lớn mạnh, khẳng định vị thế của công ty đối với ngành sản xuất cao su Việt Nam cũng như trong khu vực.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm: 2006, 2007, 2008, 2009. Đây là lợi thế rất lớn giúp cho DRC gia tăng nguồn vốn kinh doanh cũng như lợi ích của nhà đầu tư và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Các máy móc thiết bị tiên tiến hiện đại được công ty đầu tư trong những năm qua đã phát huy hiệu quả, góp phần ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra nhiều quy cách sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

Thị phần lốp ô tô của công ty ổn định, phát triển và có uy tín trong nhiều năm, hệ thống phân phối mạnh và rộng khắp trong cả nước đã giúp công tác tiêu thụ của công ty tiếp tục ổn định trong điều kiện ngày càng cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

Về khó khăn:

Tình hình kinh tế thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp về mọi mặt, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập phát triển ngày càng mạnh, tính cạnh tranh trên thị trường càng trở nên gay gắt, đã tạo ra những thách thức rất lớn cho các doanh nghiệp trong nước.

Mặt hàng sản phẩm lốp ô tô sản xuất trong nước tiếp tục chịu tác động của tiến trình hội nhập, cạnh tranh sản phẩm diễn ra ác liệt, tình hình giá xăng dầu và các nguyên liệu cơ bản tiếp tục tăng cao, đột biến khó dự đoán.

Năm 2008, do sự tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn, chi phí lãi vay năm 2008 tăng 102.86 % so với năm 2007, riêng khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá quý III đã là : 8,820 tỷ đồng . Lợi nhuận năm 2008 giảm 26,92% so với năm 2007, giá trị tuyệt đối phải giảm 19.078.399.118 đồng so với năm 2007, chi phí lãi vay và chênh lệch tỷ giá tăng 40.184.012.086 đồng so năm 2007.

Nắm bắt kịp thời tình hình biến động tài chính, HĐQT và ban điều hành đã rà soát , tạm dừng các thiết bị đầu tư chưa cần thiết nhằm tích kiệm vốn trong bối cảnh khó khăn và lãi suất cao.

Tình hình lũ lụt, mưa bão kéo dài đã làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, Công ty đã phải dừng sản xuất trong nhiều ngày để khắc phục hậu quả, làm cho sản phẩm sản xuất ra không đáp ứng kịp nhu cầu của khách hàng.

III. Báo cáo của ban giám đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2008:

Năm 2008 là năm khủng hoảng tài chính trên diện rộng, nên Việt Nam cũng có ảnh hưởng một phần. Nhưng đối với các sản phẩm cao su thì bị ảnh hưởng trực tiếp do giá dầu thế giới liên tục tăng trong 6 tháng đầu năm. Vật tư phục vụ cao su như vải mảnh, hóa chất thuộc nhóm hóa dầu vì thế trong 6 tháng đầu năm luôn bị biến động bởi giá dầu. Chi phí vật tư nhập khẩu chiếm gần 40% giá thành đây là khó khăn đối với công ty, ngoài biến động giá dầu, còn bị biến động của tỷ giá đô la (USD) trong quý III.

BẢNG PHÂN TÍCH SO SÁNH CỦA NĂM 2008 VỚI NĂM 2007

ĐVT : VNĐ

T T	KHOẢN MỤC	2008	2007	CHÊNH LỆCH Tăng (Giảm)
1	Doanh thu bán hàng	1.317.074.770.390	1.182.137.531.918	134.937.238.472
2	Các khoản giảm trừ	26.557.127.396	12.356.868.744	14.200.258.652
3	Doanh thu thuần	1.290.517.642.994	1.169.780.663.174	120.736.979.820
4	Doanh thu HĐTC	10.088.689.285	1.704.908.217	8.383.781.068
5	Chi phí tài chính Trong đó :	65.206.137.614	25.022.125.528	40.184.012.086
	– Lãi vay	44.843.470.443	22.105.450.200	22.738.020.243
6	Chi phí bán hàng	34.020.242.990	25.904.721.676	8.115.521.314
7	Chi phí quản lý DN	19.857.822.359	17.378.986.193	2.478.836.166
8	Lợi nhuận trước thuế	51.789.163.866	70.867.562.984	(19.078.399.118)

GIẢI TRÌNH CỤ THỂ TỪNG KHOẢN MỤC NHƯ SAU

- Doanh thu thuần tăng :

$$(1.290.517.642.994 / 1.169.780.663.174) \times 100\% = 110.32\% \text{ .Tăng } 10.32\%$$

Nếu chi phí ổn định như năm 2007 thì lợi nhuận tăng là:

$$70.867.562.984 \times 10.32\% = + 7.313.532.500 \text{ đồng .}$$

Tổng lợi nhuận dự kiến sẽ là: 78.181.095.484 đồng

Thực tế lợi nhuận thực hiện so với dự kiến giảm

$$51.789.163.866 \text{ đ} - 78.181.095.484 \text{ đ} = -26.391.931.618 \text{ đ}$$

Lý do làm cho lợi nhuận giảm như sau :

1- Chi phí tài chính tăng : + 40.184.012.086 đ

Do 2 nguyên nhân sau :

+ Chi phí trả lãi vay ngân hàng tăng: + 22.738.020.243 đ

+ Chênh lệch tỷ giá USD tăng: + 17.445. 991.843 đ

Chi phí này tăng cao do trong 6 tháng cuối năm tỷ lệ lãi vay ngân hàng tăng, số lượng tiền vay cũng tăng do lượng vật tư dự trữ tăng, vật tư chủ yếu nhập khẩu vì thế chịu sự biến động bởi tỷ giá USD làm cho chi phí tăng.

2- Chi phí bán hàng tăng so năm 2007: + 31.32 %

Đáng lẽ tăng 10.32% là phù hợp chi phí năm 2007. Nhưng năm 2008 do đầu ra của sản phẩm khó khăn trong 6 tháng cuối năm nên công ty tăng các chế độ khuyến mãi để bán và thu tiền hàng nhanh nên tăng 20% so với năm 2007, về giá trị tuyệt đối tăng : + 5.180.944.335 đ

3- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng so 2007 : + 14.26%

Thực chất tăng:

$$14.16\% - 10.32\% = + 3.84\%$$

Giá trị tuyệt đối tăng: +667.353.069 đồng

Chi phí này tăng do lệ phí ngân hàng tăng, các chi phí quản lý khác tăng theo giá thị trường. Vậy tổng các yếu tố chi phí tăng trong năm 2008 so với năm 2007 làm giảm lợi nhuận: 46.032.309.490 đ. Với chi phí tăng trên đáng lẽ lợi nhuận năm 2008 sẽ là:

$$78.181.095.484 \text{ đ} - 46.032.309.490 \text{ đ} = 32.148.785.994 \text{ đ}.$$

Nhưng lợi nhuận thực tế năm 2008 : 51.789.163.866 đ, Tăng so với phương pháp tính toán trên trên là: 19.640.377.872 đ. Công ty đã cố gắng phấn đấu giảm giá thành, tăng năng suất lao động, ngoài ra công ty còn giảm một phần tiền lương của CBCNV để hài hòa lợi ích giữa cổ đông và người lao động nên đã đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp được: 51.789.163.866 đ.

Để giải trình rõ thêm các khoản chi phí khác

- Các khoản giảm trừ doanh thu tăng : +14.200.258.652 đ

Lý do tăng do năm 2008 công ty đã thay chương trình phần mềm Oracle theo kế toán Mỹ nên phần chiết khấu thương mại cho các đại lý đưa vào khoản mục này còn năm 2007 trở về trước hạch toán vào mục khác.

- Trong mục này bao hàm cả 3 nội dung :

- + Hàng bán kém chất lượng trả lại giảm trừ doanh thu năm 2008 giảm so với năm 2007

- + Hàng mới đảm bảo chất lượng do đại lý nhận lâu ngày không bán được trả lại đổi lấy quy cách khác

- + Chiết khấu thương mại cho khách

- Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng so năm 2007 là do thay đổi phần mềm của chương trình mới hạch toán tỷ giá USD

Năm 2008 là một năm rất khó khăn đối với doanh nghiệp , có nhiều biến động lớn vì vậy báo cáo quyết toán công ty xin giải trình rõ từng mục .

Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng hy vọng năm 2009 với sự nỗ lực cố gắng của một tập thể CBCNV luôn năng động sáng tạo sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu năm 2009 đề ra của hội đồng quản trị cũng như các cổ đông .

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Về sản phẩm:

Tiếp thu ý kiến đóng góp của khách hàng, trong năm qua Công ty đã không ngừng cải tiến mẫu mã, bao bì, nghiên cứu sản xuất và đưa ra thị trường nhiều quy cách sản phẩm mới được đại lý hoan nghênh và thị trường chấp nhận.

Trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát thị trường, trong năm qua nhiều loại sản phẩm mới với chính sách giá cạnh tranh, chất lượng và kiểu hoa phù hợp với điều kiện sử dụng theo yêu cầu cụ thể của từng khách hàng, từng khu vực đã được Công ty sản xuất và đưa ra thị trường, qua đó vừa làm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, đồng thời giúp cho người tiêu dùng có nhiều điều kiện để chọn lựa nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng khi dùng sản phẩm của DRC.

Giá trị sản lượng từng nhóm sản phẩm qua các năm như sau:

ĐVT: Chiếc

Nhóm sản phẩm	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Lốp xe đạp các loại	4.409.577	4.712.569	4.338.115
Săm XĐ các loại	3.319.439	3.024.038	2.207.290
Lốp xe máy các loại	578.247	748.622	671.672
Săm xe máy các loại	558.135	838.407	878.650
Lốp ô tô các loại	496.622	581.606	589.107
Săm ô tô các loại	286.871	440.289	447.013

b. Chất lượng sản phẩm năm 2008

TT	Quy cách	Mức chất lượng	Thực hiện	% so sánh
	Lốp xe đạp	99,45	99,45	100,
	Săm xe đạp	99,75	99,73	99,9
	Săm xe đạp đúc	99,50	98,92	Không đạt
	Lốp xe máy	99,70	99,62	Không đạt
	Săm xe máy	99,50	99,26	Không đạt
	Lốp ô tô tải	99,70	99,47	Không đạt
	Lốp tải nhẹ	98,70	99,13	100,43
	Lốp OTR	99,50	99,83	100,33
	Lốp máy kéo-bông sen	98,50	98,39	Không đạt
	Săm ô tô	99,10	98,38	Không đạt
	Yếm ô tô	99,50	99,52	100,02
	Màng ô tô	99,40	99,68	100,28
	Ô tô Đắp	98,85	98,70	Không đạt
	Cao su kỹ thuật			

c. Về công tác vật tư- NVL

Năm 2008 tình hình giá cả vật tư, NVL luôn biến động, cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp tăng cao, đặc biệt là quý 2/2008 có thời điểm lên đến 54.000-55.000 đồng/kg, giá gần gấp đôi năm 2007, than đen tăng từ 20-30%, hoá chất các loại tăng hơn 40%

Trong Quý 1/2008 việc dự trữ cân đối vật tư tương đối ổn định, nhưng từ quý 2 / 2008 do không lường hết được những biến động phức tạp của thị trường nên việc cân đối và dự trữ vật tư quá mức cho phép, kéo dài sang quý 3, quý 4 khi sản lượng sản xuất của Công ty sụt giảm đến 50%, giá cao su hạ, gây thiệt hại đáng kể cho Công ty.

Chất lượng cao su thiên nhiên do nguồn cung không đủ nên không ổn định, ảnh hưởng đến việc gia công các loại BTP

Lượng vật tư hoá chất cuối năm phải lo thanh toán, giải quyết để giảm tồn kho, nên cũng gây khó khăn cho sản xuất

d. về công tác quản lý điều hành sản xuất.

Việc quản lý, điều hành sản xuất năm 2008 đã dần đi vào ổn định và chủ động, sản phẩm đa dạng, năng suất lao động tăng. Trong giai đoạn nhu cầu thị trường tăng cao đã bố trí sản xuất liên tục, có giai đoạn bình quân 26-28 ngày SX/ tháng, sản lượng tăng 20-30 % so với cùng kỳ.

Các xí nghiệp đã tính toán cân đối thiết bị, nhân lực để sản xuất ổn định, XN Đắp lốp, Cán luyện tuy mới vừa đi dời nhưng đã kịp thời củng cố và cung cấp kịp thời cho các đơn vị.

Sự phối hợp giữa các phong ban, XN đã kịp thời hơn, giải quyết nhanh các sự cố hư hỏng thiết bị (như sự cố máy cán tráng, ép đùn, luyện) các biến động chất lượng trong sản xuất.

Tuy nhiên đánh giá lại năm 2008 chúng ta vẫn còn một số việc chưa làm được

- Một số xí nghiệp sản xuất vẫn còn chậm đáp ứng như cầu thị trường, ngại làm những sản phẩm đơn chiếc, sản phẩm mới, ...nên bỏ lỡ nhiều cơ hội cho công tác tiêu thụ và khuyếch trương nhãn hiệu DRC.
- Tình trạng cục bộ, đặt lợi ích đơn vị lên trên lợi ích công ty vẫn còn tồn tại ở một số đơn vị, vì thế khi có khó khăn, trở ngại vẫn đùn đẩy trách nhiệm công việc cho nhau.
- Việc điều hành, quản lý ở một số bộ phận sản xuất vẫn còn thụ động, trông chờ cán bộ quản lý, chưa thực sự làm hết nhiệt tình và trách nhiệm, chưa thực sự là động lực cho tập thể.

e. Công tác công nghệ

Trong năm qua tình hình vật tư, cao su biến động, giá cả tăng cao nên bộ phận công nghệ đã liên tục cải tiến đơn pha chế, đảm bảo giá thành mà vẫn ổn định chất lượng, điều kiện gia công.

Các thiết kế sản phẩm đã được rà soát thường xuyên, đảm bảo giảm tỷ lệ hư hỏng trong sản xuất và sử dụng, tỷ lệ xử lý các sản phẩm giảm, lớp đổi về giảm rõ rệt.

Công tác định mức vật tư luôn được rà soát cho phù hợp, đảm bảo cho việc tính toán giá thành, kịp thời tham mưu cho lãnh đạo ra các quyết định đúng.

Tuy vậy một số khuyết tật trong sử dụng vẫn chưa được giải quyết triệt để như: biến động ở khu vực gia công BTP, độ nhót cao su, tỷ lệ phẩm cấp ở một số sản phẩm săm, lõi nút cao su, lõi tanh, phòng dộp vẫn còn nhiều.

Công tác phân tích tiêu hao vật tư để có biện pháp khắc phục, tiết kiệm giảm giá thành không được quan tâm thường xuyên, thủ trưởng các đơn vị giao khoán trắng cho cán bộ định mức, chế độ thưởng phạt của công ty chưa rõ ràng, một số sản phẩm hỏng không phải lỗi của xí nghiệp đúng ra các đơn vị liên quan phải chịu trách nhiệm đền bù nhưng hầu như phần này công ty tự gánh chịu.

Việc triển khai sản phẩm mới vẫn còn chậm ở khâu thiết kế- sản xuất thử đến sản xuất đại trà. Sự phối hợp giữa Phòng kỹ thuật cao su với các đơn vị sản xuất còn chưa đồng bộ, chưa nhanh chóng, chưa kịp thời.

Dây chuyền ép đùn mặt lốp 3 thành phần

f. Công tác chất lượng

Năm 2008 tình hình chất lượng sản phẩm đã ít biến động hơn, tỷ lệ lốp đổi đã giảm, mẫu mã sản phẩm đã được soát xét lại, ngoại quan đã được cải tiến. Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO và xác lập thêm tiêu chuẩn DOT cho lốp ô tô, cùng với tiêu chuẩn JIS của Nhật

Tổng kết so sánh một số sản phẩm chúng ta chưa đạt yêu cầu đặt ra như: Lốp ô tô tải, săm lốp xe máy, săm xe đạp đúc, săm ô tô, đặc biệt là săm ô tô liên tục biến động trong cả năm. Nguyên nhân là do thay đổi nguyên vật liệu, việc quản lý điều hành của xí nghiệp ô tô buông lỏng, Phòng kỹ thuật cao su giải quyết chưa triệt để.

Chất lượng sản phẩm vẫn không ổn định, có lô sản phẩm rất tốt, nhưng có lô thì lại rất xấu, một số bộ phận công nhân vẫn còn chạy theo sản lượng, ăn cắp thời gian lưu hoá, làm sai quy trình, sai tiêu chuẩn thiết kế, làm khách hàng phản ứng, giảm uy tín DRC.

g. Công tác lao động

Công tác lao động đã có chuyển biến, năng suất tăng, trong thời gian cao điểm vẫn duy trì ổn định lao động, ổn định sản xuất. Nhưng đi sâu vào từng bộ phận vẫn còn nhiều nơi còn

lãng phí thời gian làm việc, một số nơi thời gian làm việc chỉ 5-6 h/ca, đặc biệt là ca 2 và ca 3, thời gian nghỉ không có việc còn nhiều và kéo dài, cụ thể là XN ô tô, KCS, Cơ khí, bốc xếp. Các đơn vị chưa chủ động rà soát để sắp xếp lao động, định mức, định biên đúng với thực tế XN, nên việc giải quyết lao động công ty còn lỏng lẻo

Một năm qua với nhiều khó khăn, có những lúc tưởng không vượt qua được, nhưng toàn thể CBCNV Công ty đã cố gắng nỗ lực vượt qua để đạt được những kết quả, tuy chưa mỹ mãn nhưng một phần nào đã đền đáp được công sức của một tập thể. Đó là sự đoàn kết đồng lòng của mọi người, sự gắn bó với công ty, tinh thần trách nhiệm của mỗi một thành viên DRC. Thông qua các phong trào thi đua này đã xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, xuất sắc. Hội đồng thi đua khen thưởng công ty đã họp xét đề nghị chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng Ba cho Bà Phạm Thị Thoa Kế toán trưởng công ty

Đề nghị Bộ Công thương tặng bằng khen cho 7 cá nhân sau đây

- Ông Phạm Quang Vinh Phó tổng giám đốc
- Ông Phạm Văn Nam Giám đốc chi nhánh miền Bắc
- Ông Trần Văn Tùng Giám đốc XN Đắp lốp
- Ông Vũ Ngọc Bá Phó phòng tổ chức
- Ông Thái Hoàng Minh Phó phòng kỹ thuật cao su
- Ông Hồ Thanh Hiệp Trưởng ca ô tô
- Ông Nguyễn Ngọc thiện trưởng xưởng lớp xe đạp, xe máy

Đề nghị Chủ tịch UB ND TP Đà Nẵng tặng 5 bằng khen cho các cá nhân sau đây:

- Bà Nguyễn Thị Liên Phó phòng Xuất khẩu
- Ông Lê Văn Mỹ Giám đốc XN sản xuất lốp xe đạp xe máy
- Ông Phạm Phong thịnh Phó Giám đốc Xí nghiệp sản xuất lốp ô tô
- Ông Phạm Công Hùng Trưởng xưởng Xí nghiệp ô tô
- Ông Trần Đình Toàn Phó giám đốc Xí nghiệp cán luyện

Công ty đã đề nghị Tổng công ty hoá chất Việt Nam tặng 8 tập thể

I/ Tập thể

- 1/ Phòng Tài chính-Kế toán, Công ty Cổ Phần Cao su Đà Nẵng
- 2/ Phòng Dịch vụ sau bán hàng, Công ty Cổ Phần Cao su Đà Nẵng
- 3/ Phòng Hành chính, Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng
- 4/ Phòng Kỹ thuật cơ năng, Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng

5/ Ban Bảo hộ lao động, Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng

6/ Xí nghiệp Săm lốp Xe đạp Xe máy, Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng

7/ Xí nghiệp Cán luyện, Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng

8/ Xí nghiệp Đắp lốp, Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng

Cá nhân: 21 cá nhân đã có những thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động sản xuất

Năm 2008 bình xét danh hiệu thi đua đã có:

- 164 chiến sỹ thi đua cấp cơ sở
- 781 lao động tiên tiến

Đề nghị nhiệt liệt hoan nghênh các đơn vị, tập thể và cá nhân được đề nghị cấp trên phong tặng, chúng ta nhiệt liệt biểu dương các chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, các lao động tiên tiến đang ngày đêm làm việc tại các đơn vị xí nghiệp đã có những đóng góp rất lớn cho kết quả sản xuất kinh doanh năm 2008

h. Công tác đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất:

Trong năm qua Công ty luôn cố gắng sắp xếp bố trí kế hoạch sản xuất một cách hợp lý, khai thác hiệu quả công suất máy móc thiết bị, phương châm của Công ty là: *“máy móc thiết bị, nhà xưởng đầu tư, lắp đặt đến đâu phải đưa vào hoạt động ngay đến đó nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ổn định trước khi đưa ra thị trường”*.

Năm 2008 Công ty hoàn thành 2 dự án chuyển tiếp từ năm 2007: Dự án di dời Xí nghiệp luyện, Xí nghiệp đắp lốp vào khu công nghiệp Liên Chiểu, Xí nghiệp đắp lốp đã vận

hành tháng 4/2008 và Xí nghiệp luyện vào vận hành tháng 10/2008. Dự án bổ sung thiết bị để nâng công suất lốp xe tải nhẹ cỡ vành 16-18” và lốp đặc chủng cỡ vành 25”. Thiết bị bổ sung cho các công đoạn sản xuất được đưa về theo kế hoạch hợp đồng và lắp đặt phục vụ sản xuất. Với dự án này năng lực sản xuất và quy cách sản phẩm lốp đặc chủng, lốp xe tải nhẹ tăng lên đáng kể, đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong nước và nước ngoài.

Thực tế cho thấy Dự án đầu tư nâng công suất lốp ô tô lên 500.000 bộ/năm chính thức hoàn thành vào cuối năm 2006 nhưng trong năm 2008 Công ty đã khai thác sản xuất và đưa ra thị trường trên 589.000 bộ; dây chuyền sản xuất lốp xe đạp công suất 4.000.000 bộ/năm cũng đã được Công ty khai thác đạt trên 4.300.000 bộ trong năm 2008...

Đồng thời, trong năm Công ty đã thực hiện dự án đầu tư nâng công suất lốp ô tô đặc chủng quy cách 27.00-49 với công suất 800 bộ /năm với tổng mức đầu tư 40,158 tỷ đồng, dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác trong năm 2008.

Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng (Thủ tướng nước CH XHCN Việt Nam) đến thăm Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

i. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Trong năm qua, ngoài việc duy trì, ổn định kênh phân phối đã có, Công ty đã chọn thêm được một số nhà phân phối mới rất có tiềm năng, tạo nên hệ thống mạng lưới phân phối sản phẩm DRC vững mạnh với hơn 75 đại lý được phân bổ hợp lý và đều khắp trên 64 tỉnh thành trong cả nước. Đây được xem như là một lợi thế riêng có của DRC so với những đối thủ cạnh tranh khác.

Thị trường xuất khẩu đã có sự tăng trưởng mạnh trong năm vừa qua cả về số lượng khách hàng và giá trị xuất khẩu. Trong năm qua, Công ty đã xuất khẩu trực tiếp các sản phẩm sẫm lốp ô tô sang tất cả các nước trong khu vực, đặc biệt tại các thị trường Lào, Campuchia và Singapore đã có nhà phân phối chính thức sản phẩm của DRC.

Giá trị xuất khẩu trong 2 năm qua như sau:

Stt	Tên nước XK	Giá trị xuất khẩu (1000USD)	
		Năm 2007	Năm 2008
1	U.A.E	163,80	156,09
2	Nepal	93,87	191,38
3	Myanmar	399,44	303,14
4	Campuchia	782,85	885,08
5	Maroc	34,46	41
6	Lào	944,33	777,57
7	Singapore	1.016,22	1.578,94
8	Italy	174,98	77,46
9	Pakistan	185,91	
10	Indonesia	55,04	139,51
11	Hong kong	92,70	24,9
12	Argentina	380,77	967,52
13	Malaysia	383,11	722,18
14	Ai cập		373,2
15	Bolivia	449,88	173,82
16	Egypt	94,40	
17	France	28,50	
18	India	514,73	2.007,85
19	Macau	14,49	24
20	Srilanka	135,64	296,79
21	Thailand	50,50	
22	Thổ Nhĩ kỳ	1,55	53,99
23	Uruguay	15,15	13,8
24	Fiji		15,95
25	Peru		155,3
26	Brazil		126,11
27	Chi lê		15
Cộng		6.012,32	9.120,67

Sản phẩm lốp ô tô đặc chủng của Công ty ngoài việc được dùng thay thế hàng nhập khẩu tại các đơn vị khai thác than, quặng và cảng biển Việt Nam, trong năm qua đã được xuất sang các nước Malaixia, Indônêxia, myanma, Ấn độ, Pakistan, Nepal, Ai Cập, Các tiểu Vương quốc A rập, Thổ nhĩ kỳ... và đã được thị trường chấp nhận. Công suất thiết kế của dây

chuyên lớp ô tô đặc chủng là 10.000 bộ/năm mới đưa vào hoạt động từ giữa năm 2006 thì trong năm 2008 Công ty đã sản xuất và tiêu thụ trên 13.000 bộ. Có thể nói rằng sản phẩm lớp ô tô đặc chủng đang tạo ra lợi thế cạnh tranh rất lớn cho Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng trong thời kỳ hội nhập, kim ngạch trị xuất khẩu năm 2008 tăng 51.69 % so năm 2007.

Sản phẩm săm lốp xe đạp leo núi nhãn hiệu DRC đến nay đã có chỗ đứng ổn định tại thị trường các nước như: Italia, Braxin, Achentina, Uragua và Chi Lê với sản lượng xuất khẩu đạt trên 1.114,28 nghìn USD.

Trong kết quả hơn 1.317 tỷ doanh thu đạt được của năm 2008, phần đóng góp của hệ thống những nhà phân phối đã chiếm trên 75% (tương đương trên 980 tỷ đồng). Qua đó chứng minh sự đóng góp vô cùng to lớn, đồng thời tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng và quyết định của hệ thống đại lý đối với công tác bán hàng và sự nghiệp phát triển của DRC.

Phương thức bán hàng:

Mạng lưới đại lý phân phối hàng của Công ty luôn được xây dựng một cách hợp lý phù hợp với đặc điểm, khả năng của từng vùng, từng khu vực. Yếu tố ổn định thị trường, hạn chế đến mức thấp nhất sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các nhà phân phối, điều này đã giúp cho Đại lý thực sự yên tâm đầu tư các nguồn lực để kinh doanh sản phẩm DRC.

Tùy theo từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng, từng vùng thị trường, chính sách giá cả được Công ty xây dựng, điều chỉnh một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở gắn quyền lợi của doanh nghiệp với lợi ích của người bán hàng và người sử dụng Công ty luôn cố gắng đáp ứng một cách nhanh chóng, kịp thời các loại hàng hóa theo yêu cầu của khách hàng, giao hàng tận nơi và không để tình trạng hư hỏng, mất mát nào xảy ra. Các chính sách về chiết khấu thương mại, khuyến mại, hỗ trợ bán hàng trong năm qua cũng được Công ty quan tâm thực hiện, đa dạng linh hoạt và hiệu quả, động viên được các nhà phân phối tiêu thụ tốt sản phẩm DRC.

Sự hài lòng của khách hàng

Công ty CP Cao su Đà Nẵng luôn đề cao và coi trọng công tác thị trường, coi trọng chữ tín với khách hàng. Đối với DRC, thị trường là thước đo giá trị của sản phẩm, làm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng và ngày càng hoàn thiện là mục tiêu hàng đầu mà CBCNV của Công ty luôn ra sức phấn đấu. Chính nhờ vậy mà hầu hết các sản phẩm do Công ty sản xuất đưa ra thị trường đều được người tiêu dùng chấp nhận và đánh giá cao. Tính đến nay, sản phẩm săm lốp nhãn hiệu DRC đã được phân phối rộng rãi trên 64 tỉnh thành trong cả nước, có mặt ở tất cả các nước trong khu vực Đông Nam Á và từng bước thâm nhập Thị trường các Châu lục khác.

Theo số liệu đã được điều tra thì: tính đến tháng 06/2007, DRC là thương hiệu có thị phần săm lốp ô tô tải và lốp xe đạp lớn nhất Việt Nam. Năm 2008 một lần nữa Công ty lại đạt danh hiệu hàng Việt nam chất lượng cao 2008, giải thưởng Sao Vàng đất Việt 2008 được bình chọn trong Top 500 Doanh Nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2008, chứng tỏ vị thế uy tín sản phẩm của Công ty trong lòng người tiêu dùng.

Hầu hết các công trình trọng điểm của Quốc gia đều đưa vào sử dụng sản phẩm săm lốp ô tô của DRC như: Công trình thủy điện Sơn La, Thủy điện Bản Vẽ – Nghệ An, Sông Ba Hạ – Phú Yên, Bun cốp – Đắk Lắk, Blây Krông – Kon Tum, Kanak – Gia Lai, Sê na Máng 3 – Lào, công trình khai thác quặng bô xít ở Đắk Nông và Lâm Đồng.

Sản phẩm của Công ty đã được UBND Thành phố Đà Nẵng chọn là một trong năm sản phẩm chủ lực của Thành phố trong thời kỳ hội nhập. Được báo Sài Gòn tiếp thị trao danh hiệu 12 năm liền là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” và báo Đại Đoàn Kết trao huy hiệu 10 năm

“Hàng Việt Nam được ưa thích nhất”. Sản phẩm DRC đã được Trung ương Đoàn thanh niên, UB Quốc gia về Hợp tác kinh tế Quốc tế và Trung ương Hội các DN trẻ Việt Nam trao giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt năm 2006, 2007 và 2008”. Đặc biệt lốp ô tô đặc chủng quy cách 33.00–51 của Công ty đã được Guinness Việt Nam công nhận là: “Chiếc lốp ô tô lớn nhất Việt Nam”.

**Thượng đế
sử dụng sản
phẩm DRC được
phục vụ chu đáo,
tận tình.**

CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2008

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008		Thực hiện so với kế hoạch Tỉ lệ (%)
		Kế hoạch	Thực hiện	
Doanh thu	Tr.đồng	1.310.000	1.317.074	100,42
Lợi nhuận	Tr.đồng	45.000	51.789	115,08
Sản phẩm sản xuất:				
– Lốp xe đạp các loại	chiếc	4.280.000	4.338.115	101,35
– Săm XĐ các loại	chiếc	2.220.000	2.207.290	99,42
– Lốp xe máy các loại	chiếc	670.000	671.672	100,25
– Săm xe máy các loại	chiếc	875.000	878.650	100,41
– Lốp ô tô các loại	chiếc	590.000	589.107	99,85
– Săm ô tô các loại	chiếc	440.000	447.013	101,59

k.Công tác quảng cáo, xúc tiến thương mại và hỗ trợ khách hàng:

Công ty luôn coi trọng và xác định nhu cầu này là rất cần thiết, do đó các chi phí bán hàng như chi phí quảng cáo, hỗ trợ bán hàng... cũng đã được Công ty quan tâm đầu tư nhiều hơn và đa dạng hơn những năm trước, cụ thể:

Cung cấp bảng hiệu cho các đại lý và hệ thống phân phối lại của Đại lý trên toàn quốc. Duy trì các bảng quảng cáo lớn trên trục đường Quốc lộ 1A từ Thanh Hóa đến Tiền Giang. Tiếp tục trang bị bạt quảng cáo cho các đoàn xe vận chuyển sản phẩm của Công ty và của các nhà phân phối với trên 120 xe.

Tham gia các Hội chợ lớn trong và ngoài nước như: Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao, Triển lãm quốc tế hàng lang kinh tế Đông Tây, Triển lãm quốc tế chuyên ngành ô tô, Hội chợ Typexpo Châu Á 2007 tại Singapore.

Tổ chức nhiều đoàn công tác khảo sát thị trường tại các nước: Malaysia, Ấn Độ, Myanmar, Singapore, Campuchia, Ấn Độ... nhằm đẩy mạnh công tác xuất khẩu. Công ty đã tổ chức cho hơn 30 Nhà phân phối tham quan kết hợp với khảo sát thị trường tại Bắc kinh – Thượng Hải, hơn 40 Nhà phân phối tham quan thị trường Malaixia – Singapore.

Tham gia quảng cáo trên các đài truyền hình trung ương và địa phương nhân các sự kiện lớn. Thực hiện hơn 100 buổi phát thanh trên Đài tiếng nói Việt Nam trong chương trình tường thuật trực tiếp giải bóng đá chuyên nghiệp và Seagame 23.

Nét mới của công tác hỗ trợ khách hàng trong năm 2007,2008 là Công ty đã thành lập Phòng dịch vụ sau bán hàng nhằm tăng cường hơn nữa sự quan tâm, phục vụ khách hàng, giải quyết kịp thời các yêu cầu của khách hàng nhằm bảo hành sản phẩm, tập huấn cho các đại lý về công tác bảo hành, hướng dẫn người tiêu dùng sử dụng sản phẩm đúng điều kiện kỹ thuật, giải quyết các phản ánh về chính sách bán hàng, thái độ phục vụ... Các hoạt động này đã góp phần nâng cao lòng tin của khách hàng đối với sản phẩm của DRC.

Bảng hiệu quảng cáo DRC tại Thanh hóa

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2008

	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.317.074.770.390
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26.557.127.396

3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	1.290.517.642.994
4.	Giá vốn hàng bán	11	1.133.436.423.717
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	157.081.219.277
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	10.088.689.285
7.	Chi phí tài chính	22	65.206.137.614
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	<i>44.843.470.443</i>
8.	Chi phí bán hàng	24	34.020.242.990
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19.842.423.521
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30	48.101.104.437
11.	Thu nhập khác	31	3.837.569.798
12.	Chi phí khác	32	149.510.369
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	3.688.059.429
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	51.789.163.866
15.	Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	
16.	Chi phí Thuế TNDN hoãn lãi	52	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	51.789.163.866
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	3,366

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2007	Năm 2008
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	25,10	30,18
	- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	74,90	69,82
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	64,32	64,85
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	%	35,68	35,15
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,14	0,05
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,67	1,42

4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	12,13	8,43
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,03	3,97
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	33,97	23,9

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Về công tác đầu tư :

Năm 2009, ngoài bổ sung một số thiết bị lẻ để tăng thêm quy cách sản phẩm nếu thị trường có nhu cầu và thực hiện di dời Xí nghiệp sản lốp xe đạp-xe máy theo quyết định thu hồi đất của Thành phố Đà Nẵng, Công ty tập trung vào công tác chuẩn bị đầu tư sản xuất lốp ô tô theo công nghệ radial. Đây là định hướng có tính chiến lược đã được HĐQT xác định từ năm 2006. Để sản xuất loại lốp này yêu cầu chi phí đầu tư không nhỏ, tuy nhiên chính kết cấu lốp tạo nên các tính năng ưu việt hơn hẳn lốp bố nylon đang sản xuất về các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật. Với thế mạnh là nhà sản xuất lốp xe tải hàng đầu ở Việt nam, Công ty sẽ đầu tư sản xuất lốp xe tải radial toàn thép.

Đây là Dự án đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm mới của Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành của Tổng công ty hoá chất Việt nam, với hình thức đầu tư đồng bộ nhà máy sản xuất lốp radial công suất 600.000 lốp/năm trên diện tích 8 hec-ta trong khu đất đã thuê tại khu công nghiệp Liên chiểu, trong đó phân kỳ đầu tư qua các năm theo hướng sản lượng tăng dần đến khi đạt công suất thiết kế. Công suất Dự án 600.000 lốp/năm cho phép tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ sau bán hàng tương đối thuận tiện. Kỳ vọng qua Dự án này lốp xe tải radial toàn thép thương hiệu DRC sẽ tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường trong và ngoài nước.

Về chiến lược sản phẩm và công tác tiêu thụ:

Nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm theo hướng phù hợp với thị hiếu và điều kiện sử dụng của từng đối tượng khách hàng, từng vùng thị trường với mẫu mã đẹp, giá cả cạnh tranh nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh cho sản phẩm DRC trên thị trường.

Tiếp tục hợp tác với các chuyên gia nước ngoài nghiên cứu sản xuất các quy cách lốp đặc chủng mới .

Tiếp tục giữ vững hệ thống phân phối hiện có tại các thị trường đạt mức tăng trưởng cao và ổn định, đồng thời bổ sung thêm các nhà phân phối mới tại các thị trường mà Công ty chưa có đại lý hoặc đại lý hiện có không đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu của thị trường thuộc phạm vi mình quản lý.

Các chế độ bán hàng trong năm 2009 sẽ được Công ty cố gắng xem xét áp dụng tốt hơn, đồng thời được vận dụng đa dạng và linh hoạt theo hướng quan tâm nhiều hơn cho những đại lý, khách hàng đã có nhiều nỗ lực trong việc đầu tư tiêu thụ sản phẩm của DRC. Tiếp tục là khách hàng đáng tin cậy của các đơn vị sản xuất và lắp ráp ô tô trong cả nước.

Tăng cường tiếp thị và đẩy mạnh công tác tiêu thụ các sản phẩm lốp ô tô đặc chủng đến tất cả các đối tượng có nhu cầu sử dụng trên cả nước.

Trong năm 2009, công tác dịch vụ sau bán hàng cũng sẽ được Công ty chú trọng đầu tư theo hướng chuyên nghiệp và hoàn thiện hơn. Đây là nhân tố quan trọng góp phần cho sự thành công trên bước đường phát triển của DRC.

IV . Báo cáo tài chính , giải trình báo cáo tài chính:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng.

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC đã kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm 2008 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính được lập ngày 18/02/2009 của Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 20. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán chủ yếu được trình bày tại mục số 4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Tổng giám đốc
(Đã ký)

Phan Xuân Vượng
(Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0102/KTV)

Kiểm toán viên
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hiền
(Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0753/KTV)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đã kiểm toán)
Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 01-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		429.046.461.457	437.692.790.497
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.761.063.710	36.039.498.888
1 Tiền	111		14.761.063.710	36.039.498.888
2 Các khoản tương đương tiền	112			-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	9.000.000.000	-
1 Đầu tư ngắn hạn	121		9.000.000.000	
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		120.863.874.652	151.669.643.976
1 Phải thu của khách hàng	131		64.957.188.945	69.540.816.838
2 Trả trước cho người bán	132		54.941.076.841	80.937.369.990
5 Các khoản phải thu khác	135	7	965.608.866	1.191.457.148
IV Hàng tồn kho	140		281.718.053.577	240.136.588.798
1 Hàng tồn kho	141	8	288.183.186.577	240.312.459.798
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.465.133.000)	(175.871.000)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.703.469.518	9.847.058.835
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		635.776.008	2.786.057.078
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.316.449.112	6.349.211.606
3 Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	9	1.159.500	312.356.396
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	10	750.084.898	399.433.755
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		185.472.062.672	146.714.755.494
I Các khoản phải thu dài hạn	210			-
II Tài sản cố định	220		179.165.655.461	142.813.280.164
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	156.485.910.536	140.181.317.804
- Nguyên giá	222		547.746.610.912	503.124.725.259
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(391.260.700.376)	(362.943.407.455)
3 Tài sản cố định vô hình	227	12	3.245.227.115	791.638.560
- Nguyên giá	228		3.265.845.506	791.638.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.618.391)	-
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	19.434.517.810	1.840.323.800
III Bất động sản đầu tư	240			-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			716.296.330
1 Đầu tư vào công ty con	251			-

2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		716.296.330
V	Tài sản dài hạn khác	260		6.306.407.211
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	14	6.306.407.211
2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		614.518.524.129
				584.407.545.991

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
NGUỒN VỐN					
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		398.490.405.216	375.874.139.912
I	Nợ ngắn hạn	310		303.161.069.047	261.801.996.675
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	15	271.803.071.946	224.826.141.942
2	Phải trả cho người bán	312		11.286.868.674	16.600.679.165
3	Người mua trả tiền trước	313		3.909.005.138	2.061.490.960
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	573.096	48.943.244
5	Phải trả người lao động	315		13.567.819.921	15.038.742.963
6	Chi phí phải trả	316	17		246.000.000
	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	2.593.730.272	2.979.998.401
II	Nợ dài hạn	330		95.329.336.169	114.072.143.237
4	Vay và nợ dài hạn	334	19	94.522.191.083	113.560.626.317
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		807.145.086	511.516.920
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216.028.118.913	208.533.406.079
I	Vốn chủ sở hữu	410	10	216.685.819.486	208.596.043.250
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		153.846.240.000	130.385.520.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		3.281.000.000	3.281.000.000
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		927.059.902	1.993.630.000
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		4.544.862.267	1.993.630.000
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		54.086.657.317	70.942.263.250
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(657.700.573)	(62.637.171)
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(657.700.573)	(62.637.171)
2	Nguồn kinh phí	432			-
					-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		614.518.524.129	584.407.545.991

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (đã kiểm toán)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.317.074.770.390	1.182.137.531.918
2. Các khoản giảm trừ	02	21	26.557.127.396	12.356.868.744
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	21	1.290.517.642.994	1.169.780.663.174
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.133.436.423.717	1.029.410.857.184

5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	20		157.081.219.277	140.369.805.990
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	10.088.689.285	1.704.908.217
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	24	65.206.137.614	25.022.125.528
	Trong đó: Lãi vay	23		44.843.470.443	22.105.450.200
8.	Chi phí bán hàng	24		34.020.242.990	25.904.721.676
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.842.423.521	17.378.986.193
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.101.104.437	73.768.880.810
11.	Thu nhập khác	31		3.837.569.798	4.029.899.615
12.	Chi phí khác	32		149.510.369	6.931.217.441
13.	Lợi nhuận khác	40		3.688.059.429	(2.901.317.826)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	51.789.163.866	70.867.562.984
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25		
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25	51.789.163.866	70.867.562.984
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	3.366	5.435

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ(đã kiểm toán)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	1.376.547.000.923	1.280.488.287.003
2	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV		(1.137.805.953.309)	(125.189.558.296)
3	Tiền chi trả cho người lao động	02	(64.511.758.486)	(67.529.504.230)
4	Tiền chi trả lãi vay	03	(44.843.470.443)	(21.963.684.796)
5	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	04		
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05	43.964.553.865	
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	06	(81.446.005.016)	(84.861.884.260)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	91.904.367.534	980.943.655.421
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(93.160.350.832)	(440.440.573)
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.000.000.000)	
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	372.524.435	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	509.520.613	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(101.278.305.784)	(440.440.573)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.621.160.676.530	106.736.216.500
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.593.222.181.760)	(1.084.107.643.804)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.114.240.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.175.745.230)	(977.371.427.304)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(20.549.683.480)	3.131.787.544
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	36.039.498.888	32.964.148.801
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	(728.751.698)	(56.437.457)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.761.063.710	36.039.498.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Cao Su Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Cao su Đà Nẵng) theo quyết định số 3241/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ngày 10/10/2005. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000850 ngày 31/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 29/07/2008), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính:

4.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Tất cả các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đều được ghi nhận như khoản tương đương tiền.

Đồng tiền được sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND); các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.4. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

- Nguyên giá được phản ánh theo giá thực tế
- Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính

Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	7 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8
Phần mềm máy tính	10

4.5. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng ước tính.

4.6. Quỹ tiền lương: Đơn giá tiền lương là 5,06% trên tổng doanh thu tính lương (Doanh thu thuần trừ các khoản thu tiền điện).

4.7. Ghi nhận Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp được trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính

Thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định khi hàng hoá được khách hàng chấp nhận và đã phát hành hóa đơn bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

4.9. Chính sách thuế và các Lệ phí nộp ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng:
 - Xăm, lớp, yếm cỡ > 900 là thuế suất 5%.
 - Xăm, lớp, yếm cỡ < 900 là thuế suất 10%.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp.
 - Áp dụng mức thuế suất 28%;
 - Công ty được hưởng ưu đãi về Thuế thu nhập doanh nghiệp theo chính sách cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước. Do Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2006 nên Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm: 2006, 2007 và được giảm 50% Thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tiếp theo: 2008, 2009.
 - Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 29/12/2006, do đó công ty sẽ được giảm 50% trong vòng 2 năm. Theo Công văn số 930/CT-TTHT ngày 21/02/2008 của Cục thuế Thành phố Đà Nẵng thì Công ty sẽ được miễn thuế trong 4 năm: từ năm 2006 đến năm 2009.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tiền mặt	157.300.310	68.368.061
Tiền gửi ngân hàng	14.603.763.400	35.971.130.827
+ Tiền gửi VND	12.612.313.353	
+ Tiền gửi ngoại tệ	1.991.450.047	
<i>Đồng USD</i> <i>77.200,9 USD #</i>	<i>1.310.639.680</i>	
<i>Đồng EURO</i> <i>28.884,97 EURO #</i>	<i>680.810.367</i>	
Cộng	14.761.063.710	36.039.498.888

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Đầu tư ngắn hạn khác	9.000.000.000	
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	
Cộng	9.000.000.000	-

7. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	305.195.973	-
Phải thu khác	660.412.893	1.191.457.148
Cộng	965.608.866	1.191.457.148

8. Hàng tồn kho

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Hàng mua đang đi đường	248.920.000	12.906.289.505
Nguyên liệu, vật liệu	90.798.669.556	119.149.063.705
Công cụ, dụng cụ	18.568.394	127.901.186
Chi phí SX, KD dở dang	14.885.916.840	30.912.437.313
Thành phẩm	182.167.992.418	77.216.768.089
Hàng hóa	63.119.369	
Cộng giá gốc hàng tồn kho	288.183.186.577	240.312.459.798

9. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	659.500	312.356.396
Thuế khác nộp thừa	500.000	
	-	
Cộng	1.159.500	312.356.396

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tạm ứng	500.198.474	
Tài sản thiếu chờ xử lý	249.886.424	
Cộng	750.084.898	399.433.755

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	48.695.709.281	447.940.270.378	5.349.787.239	1.138.958.361	503.124.725.259
Mua sắm trong năm	594.196.020	41.949.156.799	128.571.428	99.252.653	42.771.176.900
Đ/tư XDCB h/thành					0
Tăng khác	66.526.301	1.839.182.452	-	-	1.905.708.753
T/lý, nhượng bán	-	-	55.000.000	-	55.000.000
Giảm trong năm					
Số cuối năm	49.356.431.602	491.728.609.629	5.423.358.667	1.238.211.014	547.746.610.912
Khấu hao					
Số đầu năm	34.066.289.368	325.234.746.200	2.623.942.544	1.018.429.343	362.943.407.455
Khấu hao trong năm	1.861.946.969	25.969.175.540	441.107.698	100.062.714	28.372.292.921
T/lý, nhượng bán	-	-	55.000.000	-	55.000.000

Giảm trong năm

Số cuối năm	35.928.236.337	351.203.921.740	3.010.050.242	1.118.492.057	391.260.700.376
--------------------	-----------------------	------------------------	----------------------	----------------------	------------------------

Giá trị còn lại

Số đầu năm	14.629.419.913	122.705.524.178	2.725.844.695	120.529.018	140.181.317.804
------------	----------------	-----------------	---------------	-------------	-----------------

Số cuối năm	13.428.195.265	140.524.687.889	2.413.308.425	119.718.957	156.485.910.536
--------------------	-----------------------	------------------------	----------------------	--------------------	------------------------

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 161.793.872.530 đồng

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	791.638.560	-	791.638.560
Mua trong năm	-	2.474.206.946	2.474.206.946
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Số cuối năm	791.638.560	2.474.206.946	3.265.845.506
Khấu hao			
Số đầu năm			
Khấu hao trong năm	-	20.618.391	20.618.391
Thanh lý, nhượng bán			0
Số cuối năm	-	20.618.391	20.618.391
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	791.638.560	-	791.638.560
Số cuối năm	791.638.560	2.453.588.555	3.245.227.115

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Máy luyện kín cao su	7.943.508.400	
Máy luyện hở cao su	1.951.325.800	
Hệ thống cung cấp nguyên vật liệu	2.053.334.400	
Máy thành hình lốp ô tô	1.415.356.800	
Khuôn lưu hóa của máy lưu hóa	2.108.316.600	
Các chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	3.120.120.027	1.840.323.800
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	842.555.783	
Cộng	19.434.517.810	1.840.323.800

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Lợi thế thương mại	2.729.179.000	3.185.179.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	3.577.228.211	
Cộng	6.306.407.211	3.185.179.000

Lợi thế thương mại phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp được doanh nghiệp phân bổ 10 năm (kể từ năm 2006)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Vân (VND)	33.021.683.862	19.539.240.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Vân 365.440 USD #	6.204.074.880	4.171.156.436
Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng (VND)	51.005.812.044	30.744.043.662
Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng 1.807.595,08 USD #	30.687.541.674	45.178.852.900
Ngân hàng Công thương Đà Nẵng (VND)	116.023.612.106	89.772.802.689
Ngân hàng Công thương Đà Nẵng 1.779.895,15 USD #	30.217.279.962	25.420.046.255
Vay ngắn hạn Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam	-	10.000.000.000
Vay cán bộ công nhân viên	4.643.067.418	
Cộng	271.803.071.946	224.826.141.942

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	48.943.244
Thuế thu nhập cá nhân	573.096	-
Cộng	573.096	48.943.244

17. Chi phí phải trả

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định		-
Chi phí phải trả khác		246.000.000
Cộng	-	246.000.000

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	22.421.604	-
Kinh phí công đoàn	312.077.158	425.753.849
Bảo hiểm xã hội	58.633.812	354.230.090
Bảo hiểm y tế	84.767.054	53.134.517

Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.115.830.644	2.146.879.945
<i>Tiền đến bù nhà kho (cho việc di chuyển Nhà máy lên KCN Liên Chiểu)</i>	<i>1.959.621.315</i>	<i>1.959.621.315</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>156.209.329</i>	<i>187.258.630</i>
Cộng	2.593.730.272	2.979.998.401

19. Vay dài hạn

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Vay dài hạn	94.522.191.083	113.560.626.317
Ngân hàng Phát triển Đà Nẵng (VND)	22.937.301.000	55.933.301.000
Ngân hàng Phát triển Đà Nẵng 13.217.854,92 INR #	4.665.902.195	9.278.654.121
Ngân hàng Công thương Đà Nẵng 2.614.870,00 USD #	44.392.647.990	11.038.090.000
Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng 1.326.874,00 USD #	22.526.339.898	37.310.581.196
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	94.522.191.083	113.560.626.317

Trong đó:

- Vay Ngân hàng Phát triển theo 2 hợp đồng vay:

+ Hợp đồng vay số 59/HĐTD ngày 19/1/2006, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay: mở rộng sản xuất sản phẩm ô tô nâng công suất từ 200.000 bộ/ năm lên 500.000 bộ/ năm, lãi suất cho vay: 5,4%/ năm, hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

+ Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 80/TDNN ngày 26/1/2006, đồng tiền cho vay: INR (Rupí Ấn độ), thời hạn cho vay: 15 năm, mục đích vay: sản xuất sản phẩm ô tô cỡ lớn và chuyên dùng, lãi suất vay: 5,25%/ năm.

- Vay dài hạn Ngân hàng Công thương theo hợp đồng vay số 0808009/TH ngày 18/01/2009, thời hạn vay: 60 tháng, phương thức cho vay: theo dự án đầu tư, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư mở rộng thiết bị lắp sản xuất lốp tải nhẹ cỡ vành 16", lãi suất cho vay: bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm USD 12 tháng của Ngân hàng Công thương cộng 2,3%/năm nhưng không thấp hơn 7,3%/năm, hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

- Vay Ngân hàng Ngoại thương theo hợp đồng vay số 777/NHNT-ĐN ngày 24/09/2007, thời hạn vay: 72 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua 1 máy thành hình 25", 1 máy lưu hóa 88:91 và 1 khuôn lưu hóa phục vụ sản xuất lốp ô tô đặc chủng cỡ vành 25", lãi suất vay: được điều chỉnh theo thông báo lãi của Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng được điều chỉnh 6 tháng 1 lần vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm, hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay. Và một số các hợp đồng vay khác.

20. Vốn chủ sở hữu

20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND		VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2007	92.475.000.000	3.281.000.000			0	45.903.621.365
Tăng trong năm	37.910.520.000		1.993.630.000	1.993.630.000		70.626.229.885
Giảm trong năm						45.587.588.000
Số dư tại 31/12/2007	130.385.520.000	3.281.000.000	1.993.630.000	1.993.630.000	0	70.942.263.250
Số dư tại 01/01/2008	130.385.520.000	3.281.000.000	1.993.630.000	1.993.630.000	0	70.942.263.250
Tăng trong năm	23.460.720.000		22.394.149.902	2.551.232.267	500.000.000	51.789.163.866
Giảm trong năm			23.460.720.000		500.000.000	68.644.769.799
Số dư tại 31/12/2008	153.846.240.000	3.281.000.000	927.059.902	4.544.862.267	0	54.086.657.317

20.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Vốn góp của nhà nước	77.699.250.000	65.846.830.000
Vốn góp của các đối tượng khác	76.146.990.000	64.538.690.000
Cộng	153.846.240.000	130.385.520.000

20.3. Các giao dịch về vốn và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	130.385.520.000	92.475.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	23.460.720.000	37.910.520.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	153.846.240.000	130.385.520.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	39.114.240.000	

Việc tăng vốn từ cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực quyền 100:18, nguồn vốn thực hiện: Quỹ đầu tư phát triển.

20.4 Cổ phiếu

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
--	-------------------	-------------------

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	15.384.624	13.038.552
- Cổ phiếu thường	15.384.624	13.038.552
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.384.624	13.038.552
- Cổ phiếu thường	15.384.624	13.038.552
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

20.5. Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	70.942.263.250	
Lợi nhuận sau thuế tăng trong năm	51.789.163.866	
Phân phối lợi nhuận năm trước	68.644.769.799	
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung quỹ đầu tư phát triển	19.842.917.635	
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.551.232.267	
Trích quỹ dự phòng tài chính	2.551.232.267	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành	4.581.971.630	
Chia lãi cho các cổ đông	39.114.240.000	
Chi khác	3.176.000	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển năm sau	54.086.657.317	70.942.263.250

21. Doanh thu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tổng doanh thu	1.317.074.770.390	1.182.137.531.918
+ Doanh thu bán hàng	1.317.074.770.390	1.182.137.531.918
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Các khoản giảm trừ doanh thu	26.557.127.396	12.356.868.744
+ Chiết khấu thương mại	19.447.363.767	0
+ Hàng bán bị trả lại	7.109.763.629	12.356.868.744
Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ	1.290.517.642.994	1.169.780.663.174
+ Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hóa	1.290.517.642.994	1.169.780.663.174
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán.	8.535.162.016	
Giá vốn của thành phẩm đã bán.	1.124.901.261.701	1.029.410.857.184
Cộng	1.133.436.423.717	1.029.410.857.184

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	509.520.114	1.704.908.217
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.273.973.198	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác (lợi nhuận được chia từ liên doanh)	305.195.973	-
Cộng	10.088.689.285	1.704.908.217

24. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền vay	44.843.470.443	22.105.450.200
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.901.322.605	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.697.688.072	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	763.656.494	-
Chi phí tài chính khác	-	2.916.675.328
Cộng	65.206.137.614	25.022.125.528

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.789.163.866	70.867.562.98
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	458.460.521	
+ Điều chỉnh tăng	763.656.494	
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>763.656.494</i>	
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>-</i>	
+ Điều chỉnh giảm	305.195.973	
<i>Thu nhập được chia từ liên doanh</i>	<i>305.195.973</i>	
Tổng thu nhập chịu thuế	52.247.624.387	70.867.562.98
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (được miễn)	-	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.789.163.866	70.867.562.984

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.789.163.866	70.867.562.984
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
+ Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	51.789.163.866	70.867.562.984
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.385.161	13.039.110
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.366	5.435

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.086.133.178.879	864.065.035.461
Chi phí nhân công	71.715.524.982	69.894.928.756
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.337.911.312	50.189.074.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.289.641.248	7.579.800.159
Chi phí khác bằng tiền	66.557.895.034	60.131.009.453
Cộng	1.259.034.151.455	1.051.859.848.693

28. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 đã được kiểm toán bởi AISC.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Đinh Ngọc Đạm

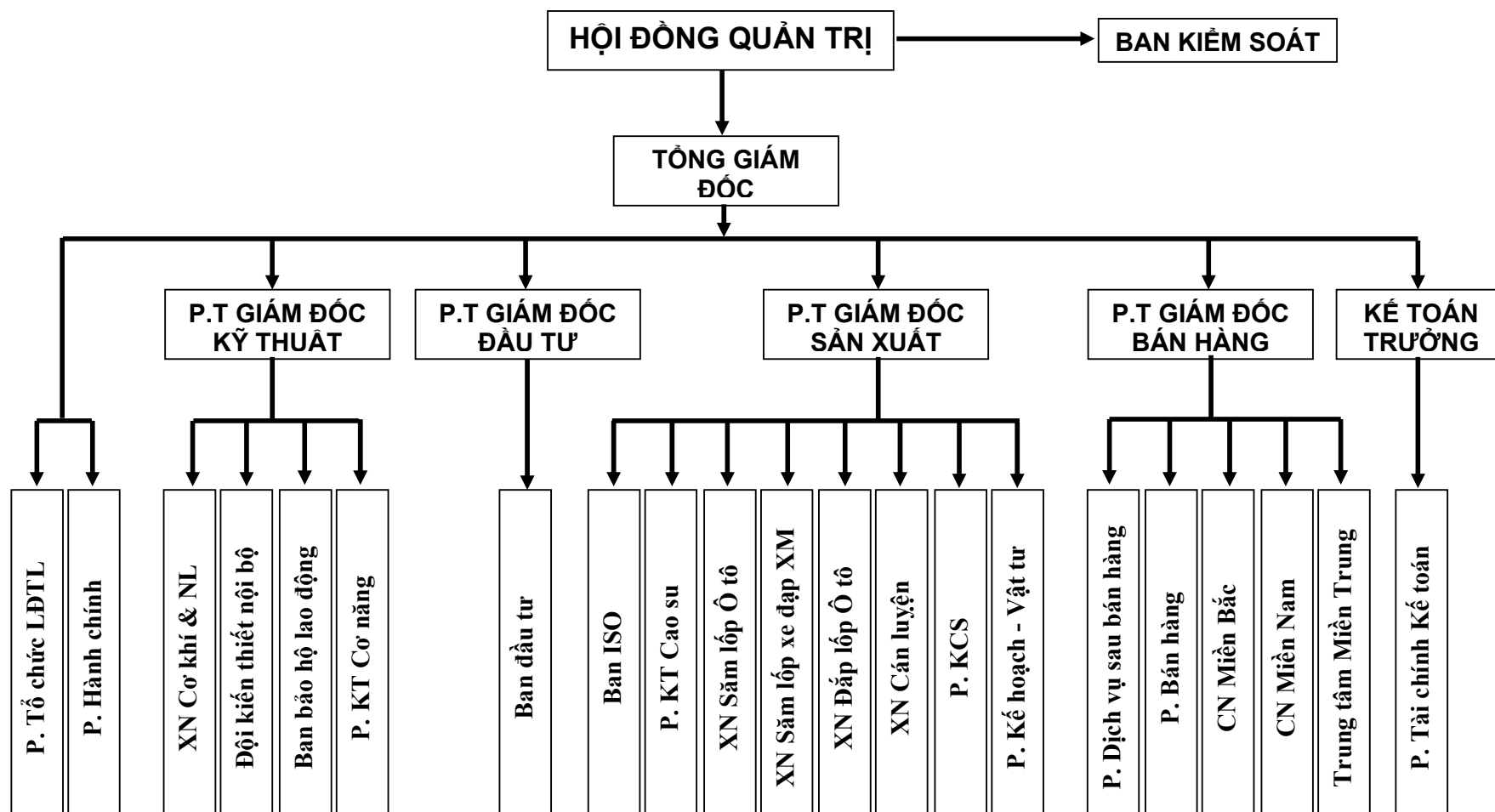
Phạm Thị Thoa

Nguyễn Thị Minh Thu

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 02 năm 2009

V. Tổ chức nhân sự:

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty CP Cao Su Đà Nẵng:



Hội đồng Quản trị công ty:

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 5 thành viên với nhiệm kỳ là 3 năm. Hội đồng quản trị bầu ra 1 chủ tịch. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Giám Đốc. Bên cạnh đó ban kiểm soát cũng là một cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm tra, giám sát, theo dõi mọi hoạt động của HĐQT và ban điều hành cũng như báo cáo và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

Ban giám đốc:

Ban giám đốc bao gồm 05 thành viên, 01 Tổng giám đốc, 04 Phó Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu định hướng, kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm hoàn toàn các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó tổng giám đốc. Tổng Giám đốc công ty sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các thành viên trong Ban giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn.

Dựa trên quy mô và ngành nghề, cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng, bao gồm:

- Ban Giám đốc công ty
- Phòng Tài chính - kế toán
- Phòng Hành chính
- Phòng Tổ chức LĐTL
- Phòng kỹ thuật
- Phòng bán hàng
- Phòng kế hoạch vật tư
- Các xí nghiệp
- Các chi nhánh

Đứng đầu các bộ phận này là các trưởng phòng, Giám đốc xí nghiệp và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc. Ngoài ra, trong công ty còn có các tổ chức đoàn thể chính trị Chi bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên hoạt động trên cơ sở luật pháp của Nhà Nước và Điều lệ của các tổ chức này.

2. DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị:

- | | | |
|-------------------------|---|----------------------------|
| 1 Ông Nguyễn Quốc Tuấn | : | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2 Ông Đinh Ngọc Đạm | : | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| 3 Bà Phạm Thị Thoa | : | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| 4 Ông Nguyễn Mạnh Sơn | : | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| 5 Ông Nguyễn Thanh Bình | : | Ủy viên Hội đồng quản trị |

Ban Giám đốc:

- | | | |
|-------------------------|---|-------------------|
| 1 Ông Đinh Ngọc Đạm | : | Tổng Giám đốc |
| 2 Ông Nguyễn Mạnh Sơn | : | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông Hà Phước Lộc | : | Phó Tổng Giám đốc |
| 4 Ông Phạm Quang Vinh | : | Phó Tổng Giám đốc |
| 5 Ông Nguyễn Thanh Bình | : | Phó Tổng Giám đốc |

Ban kiểm soát:

- | | | |
|-----------------------|---|-----------------------|
| 1 Ông Nguyễn Văn Hiệu | : | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2 Ông Phạm Ngọc Bách | : | Ủy viên Ban kiểm soát |
| 3 Ông Võ Đình Thanh | : | Ủy viên Ban kiểm soát |

① Ông Nguyễn Quốc Tuấn

- | | | |
|------------------------|---|--|
| ❖ Chức vụ hiện tại | : | Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty |
| ❖ Giới tính | : | Nam |
| ❖ Ngày tháng năm sinh | : | 10/01/1952 |
| ❖ Nơi sinh | : | Xã Xuân Huy, H. Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ |
| ❖ Địa chỉ thường trú | : | Số 17, ngõ 34, Đường Nguyên Hồng, Láng hạ, Hà Nội |
| ❖ Điện thoại | : | 049.333.388 |
| ❖ Trình độ văn hoá | : | 10/10 |
| ❖ Trình độ chuyên môn | : | Kỹ sư ô tô |
| ❖ Quá trình công tác | | |
| Từ năm 1977 đến 1995 | | Làm việc tại Công ty Supe Phốt phát & Hóa chất Lâm Thao |
| Từ năm 1996 đến 2001 | | Phó Giám đốc Công ty Supe Phốt phát & Hóa chất Lâm Thao. |
| Từ 01/2002 đến 07/2004 | | Giám đốc Công ty Supe Phốt phát & Hóa chất Lâm Thao. |
| Từ 07/2004 đến 01/2006 | | Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa chất Việt Nam. |
| Từ 10/02/2006 đến nay | | Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hóa chất Việt nam. |
| ❖ Số cổ phần nắm giữ | : | Đại diện vốn Nhà nước |

② Ông Đinh Ngọc Đạm

- ❖ Chức vụ hiện tại : Ủy viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc điều hành Công ty
- ❖ Giới tính : Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh : 01/01/1954
- ❖ Nơi sinh : Quảng Nam
- ❖ Địa chỉ thường trú : 42 Hồ Xuân Hương, Đà Nẵng
- ❖ Điện thoại : 0511. 3836 688
- ❖ Trình độ văn hoá : 10/10
- ❖ Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Công nghệ cao su, đào tạo tại Nga
- ❖ Quá trình công tác :
 1979 - 1990 : Quản đốc phân xưởng Công ty cao su Đà Nẵng
 1991 - 1993 : Phó Tổng giám đốc công ty liên doanh SOVIETCOM
 1994 - 2001 : Phó giám đốc Công ty cao su Đà Nẵng
 2001 - đến nay : Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty
- ❖ Số cổ phần nắm giữ (15/8/08) : 204.647 cổ phiếu.

③ Bà Phạm Thị Thoa

- ❖ Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT quản trị - Kế toán trưởng
- ❖ Giới tính : Nữ
- ❖ Ngày tháng năm sinh : 05/01/1956
- ❖ Nơi sinh : Hà Nội
- ❖ Địa chỉ thường trú : 30 Hồ Xuân Hương, TP. Đà Nẵng
- ❖ Điện thoại : 0511. 3953 417
- ❖ Trình độ văn hoá : 10/10
- ❖ Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
- ❖ Quá trình công tác :
 02/1979 - 1984 : Nhân viên Phòng tài vụ Công ty Cao su Đà Nẵng
 1984 - 1990 : Phó phòng Kế toán Công ty cao su Đà Nẵng
 1990 - đến nay : Kế toán trưởng Công ty
- ❖ Số cổ phần nắm giữ (15/8/08) : 37.002 cổ phiếu

④ Ông Nguyễn Mạnh Sơn

- ❖ Chức vụ hiện tại : Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó T.Giám đốc Công ty
- ❖ Giới tính : Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh : 10/10/1960
- ❖ Nơi sinh : Xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình
- ❖ Địa chỉ thường trú : 402 Ngô Quyền, Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
- ❖ Điện thoại : 0511. 3836 198 - 0913 403 630
- ❖ Trình độ văn hoá : 12/12
- ❖ Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, kỹ sư hóa
- ❖ Quá trình công tác :
 - 1984 - 1993 : Làm việc tại Công ty cao su Đà Nẵng
 - 1993 - 2002 : Phó giám đốc Xí nghiệp Săm lốp Ô tô
 - 2002 - 2006 : Giám đốc Xí nghiệp Săm lốp Ô tô
 - 2006 - đến nay : Phó T.giám đốc Công ty
- ❖ Số cổ phần nắm giữ (15/8/08) : 44.299 cổ phiếu

⑤ Ông Nguyễn Thanh Bình

- ❖ Chức vụ hiện tại : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty kiêm Phó Tổng Giám đốc
- ❖ Giới tính : Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh : 07/10/1960
- ❖ Nơi sinh : Vinh, Nghệ An
- ❖ Địa chỉ thường trú : Tổ 32 Khuê Mỹ, Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
- ❖ Điện thoại : 0511. 3950 259
- ❖ Trình độ văn hoá : 12/12
- ❖ Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kỹ thuật
- ❖ Quá trình công tác :
 - 1983 - 1990 : Nhân viên thiết kế - Phòng kỹ thuật Công ty cao su Đà Nẵng
 - 1990 - 12/2001 : Giám đốc chi nhánh Công ty liên doanh SOVIETCOM
 - 12/2001 - 2/2006 : Trưởng phòng Đầu tư - Phát triển Công ty cao su Đà Nẵng
 - 3/2006 - đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty
- ❖ Số cổ phần nắm giữ (15/8/08) : 42.915 cổ phiếu

◎ Ông Hà Phước Lộc

- ❖ Chức vụ hiện tại : Phó T.giám đốc kiêm Trưởng phòng bán hàng Công ty
- ❖ Giới tính : Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh : 28/12/1968
- ❖ Nơi sinh : Xã Điện An, Huyện Điện Bàn, Quảng Nam
- ❖ Địa chỉ thường trú : Tổ 31 Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.
- ❖ Điện thoại : 0511. 3950 824
- ❖ Trình độ văn hoá : 12/12
- ❖ Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- ❖ Quá trình công tác :
 - 1990 - 1991 Nhân viên Phòng tài vụ Công ty cao su Đà Nẵng
 - 1990 - 1995 Thống kê Xí nghiệp Xe đạp - Xe máy
 - 1995 - 1997 Cán bộ thị trường Chi nhánh Công ty cao su Đà Nẵng - Hồ Chí Minh
 - 1997 - 2001 Giám đốc Chi nhánh Công ty cao su Đà Nẵng - Hồ Chí Minh
 - 2001 - 2002 Giám đốc Chi nhánh Công ty cao su Đà Nẵng - HCM kiêm Phó phòng KHTT
 - 2002 - 2005 Trưởng phòng KTTT Công ty cao su Đà Nẵng
 - 2005 - đến nay Phó T.giám đốc kiêm Trưởng phòng bán hàng Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng
- ❖ Số cổ phần nắm giữ (15/8/08) : 24.005 cổ phiếu

◎ Ông Phạm Quang Vinh

- ❖ Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc Công ty
- ❖ Giới tính : Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh : 11/01/1956
- ❖ Nơi sinh : Xã Quế Phú, H.Quế Sơn, T.Quảng Nam
- ❖ Địa chỉ thường trú : 28 Hồ Xuân Hương, TP. Đà Nẵng
- ❖ Điện thoại : 0511.3836196–0913.402171
- ❖ Trình độ văn hoá : 12/12
- ❖ Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
- ❖ Quá trình công tác :
 - 1981–1982 Kỹ thuật viên phân xưởng cơ điện Nhà máy Cao su Đà Nẵng
 - 1983–1990 Phó phòng Kỹ thuật Cơ năng Nhà máy Cao su Đà Nẵng
 - 1991–1996 Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ năng Nhà máy Cao su Đà Nẵng
 - Tháng 6/2007 đến nay Phó Tổng Giám đốc Công ty

⑧ Ông Nguyễn Văn Hiệu

- ❖ Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban kiểm soát
- ❖ Giới tính : Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh : 02/03/1963
- ❖ Nơi sinh : Xã Nhân Mỹ, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Nam Hà.
- ❖ Địa chỉ thường trú : Số 1, Hẻm 4, Ngách 3, Ngõ 560 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, TP Hà Nội
- ❖ Điện thoại : 0480265096 hoặc 0913413423
- ❖ Trình độ văn hoá : 10/10
- ❖ Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính Kế toán
- ❖ Quá trình công tác :
 Từ 01/03/1987 đến 10/1991 : Công ty Que hàn điện Việt Đức, Kế toán tổng hợp .
 Từ 11/1991 đến 12/1995 : Tổng Công ty Hóa chất Công nghiệp và Hóa chất tiêu dùng, TC-kế toán tổng hợp
 Từ tháng 01/1996 đến nay : Tổng Công ty Hóa chất Việt nam, Tài chính kế toán tổng hợp, Kiểm toán nội bộ, Phó Ban tổ chức nhân sự làm công tác thanh tra, Ủy viên thường trực Ban kiểm soát Hội đồng quản trị - Phó ban Tổng Công ty Hóa chất Việt nam.

⑨ Ông Phạm Ngọc Bách

- ❖ Chức vụ hiện tại : Ủy viên Ban kiểm soát - Chủ tịch Công đoàn Công ty
- ❖ Giới tính : Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh : 20/6/1956
- ❖ Nơi sinh : Khánh Mậu, Yên Khánh, Ninh Bình
- ❖ Địa chỉ thường trú : 69 Hồ Xuân Hương, TP. Đà Nẵng
- ❖ Điện thoại : 0511.3847 107
- ❖ Trình độ văn hoá : 10/10
- ❖ Trình độ chuyên môn : Cử nhân Công đoàn
- ❖ Quá trình công tác :
 7/1973 - 8/1975 : Công tác tại địa phương
 9/1975 - 9/1977 : Học tại Trường công nhân kỹ thuật hoá chất
 10/1977 - 8/1981 : Công nhân Nhà máy Phân Lân Ninh Bình, Ủy viên thường vụ Đoàn Nhà máy
 9/1981 - 8/1986 : Học tại Trường Đại học Công đoàn - HN
 9/1986 - 9/1993 : Chuyên trách công đoàn tại Công ty cao su Đà Nẵng
 10/1993 - đến nay : Chủ tịch công đoàn Công ty
- ❖ Số cổ phần nắm giữ(15/8/08) : 33.148 cổ phiếu

10 Ông Võ Đình Thanh

❖ Chức vụ hiện tại	:	Ủy viên Ban kiểm soát
❖ Giới tính	:	Nam
❖ Ngày tháng năm sinh	:	10/10/1957
❖ Nơi sinh	:	X.Duy Tân, H.Duy Xuyên, T.Quảng Nam
❖ Địa chỉ thường trú	:	32 Hồ Xuân Hương, TP. Đà Nẵng
❖ Điện thoại	:	0511.3 952 192
❖ Trình độ văn hoá	:	12/12
❖ Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí
❖ Quá trình công tác	:	
1983 - 1993	:	Quản đốc phân xưởng cơ điện Công ty cao su Đà Nẵng
1993 - đến nay	:	Trưởng phòng Tổ chức Lao động tiền lương
❖ Số cổ phần nắm giữ (15/8/08)	:	11.332 cổ phiếu

3. Cán bộ công nhân viên Công ty CP Cao su Đà Nẵng và chính sách với người lao động:

Hiện tại, số lượng CB CNV công ty tại ngày 31/12/2008 là 1.455 người.

Chế độ tuyển dụng:

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng Giám đốc và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của công ty.

Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại công ty:

Cán bộ, công nhân viên đang làm việc cho Công ty CP Cao Su ĐN theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang Công ty CP sẽ được ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Đối với số người lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.

Khi chuyển sang công ty cổ phần, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác của người lao động sẽ được công ty cổ phần tiếp tục thực hiện

4. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

Hiện nay toàn bộ cổ phiếu của công ty là cổ phiếu phổ thông. Tổng số cổ phiếu tính đến ngày 10/7/2008 (ngày đăng ký cuối cùng để thanh toán cổ tức): 15.384.624 (mệnh giá: 10.000đ/1 cổ phiếu).

Trong đó 1 cổ đông Nhà nước nắm giữ là 7.769.925 cổ phiếu, chiếm 50.5%. Cổ đông đặc biệt nắm giữ 397.348 cổ phiếu chiếm 2,58%. Còn lại 7.217.351 cổ phiếu chiếm 46,92% bao gồm cổ đông cán bộ công nhân viên trong công ty và cổ đông ngoài công ty.

VI. Các thông tin khác:

a- Về công tác đời sống, văn hoá xã hội

- Công ty thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động, thu nhập bình quân tăng hàng năm, năm sau cao hơn năm trước .

- Bảo đảm việc làm thường xuyên cho người lao động là con em CNVC, đối tượng chính sách. - Thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động, không để xảy ra sự cố tai nạn nghiêm trọng. Tai nạn lao động nhẹ giảm, không có tai nạn chết người. Duy trì tốt phong trào Xanh-Sạch-Đẹp và bảo đảm an toàn vệ sinh lao động.

- Công ty thường xuyên tổ chức tốt các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao trong CNVC đồng thời tham gia các hoạt động phong trào đều đặn tại địa phương, Ngành đạt kết quả cao, tài trợ, ủng hộ các phong trào, hội thi ở địa phương ...

- Thực hiện tốt các cuộc vận động lớn đóng góp kinh phí thực hiện nghĩa vụ và hỗ trợ xã hội như ủng hộ quỹ vì người nghèo, xây nhà tình nghĩa, đóng góp xây dựng bệnh viện ung bướu Đà Nẵng, giúp đỡ các đối tượng chính sách, ủng hộ quỹ Đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi tặng quà Trung tâm điều dưỡng thương binh nặng, Trung tâm nuôi dưỡng người có công Cách mạng nhân dịp 27/7 và tết Nguyên đán. Tổng số tiền đóng góp năm qua trên 800 triệu đồng. Phụng dưỡng tốt mẹ Việt Nam Anh hùng.

b- Công tác an ninh quốc phòng :

Công ty đặc biệt quan tâm đến các hoạt động an ninh quốc phòng, coi đây là nhiệm vụ chiến lược và đã hoàn thành xuất sắc công tác này, Công tác bảo vệ an ninh sẵn sàng chiến đấu, nhiệm vụ quốc phòng được đánh giá cao.

Hoạt động tự vệ liên tục duy trì là đơn vị xuất sắc trong Cụm Tự vệ trực thuộc Thành phố

c- Các hình thức khen thưởng đã được ghi nhận

+ Năm năm liền 1999, 2000, 2001, 2002, 2003 nhận cờ thi đua của Chính phủ trong đó năm 2001, 2003 nhận cờ thi đua dẫn đầu;

+ Năm 2006 nhận cờ thi đua của Bộ công nghiệp theo quyết định số 786/ KT-BCN ngày 27 tháng 1 năm 2007;

+ Năm 2007, nhận cờ thi đua của Bộ Công thương theo quyết định số 0034/ KT-BCT ngày 03 tháng 1 năm 2008;

- + Năm 2006, nhận cờ thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quyết định số 1003 ngày 12 tháng 2 năm 2007
- + Năm 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2006 được nhận cờ của Ủy ban Nhân Dân Thành phố Đà Nẵng tặng đơn vị xuất sắc khối công nghiệp I TW trong đó năm 2000, 2002, 2004, 2006 nhận cờ thi đua xuất sắc;
- + Năm 2000, 2002 được nhận cờ của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng đơn vị xuất sắc nhất trong phong trào “ Xanh- Sạch – Đẹp “ bảo đảm an toàn vệ sinh lao động;
- + Năm 2001 nhận cờ của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng Công đoàn cơ sở vững mạnh có phong trào thi đua xuất sắc nhất;
- + Năm 2003, 2007 nhận cờ Công đoàn Công nghiệp Việt Nam tặng Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc;
- + Năm 2004 nhận cờ của Tổng liên đoàn lao động Việt nam tặng đơn vị có phong trào xây dựng đời sống văn hoá cơ sở xuất sắc;
- + Năm 2004. 2005 nhận Bằng khen của Bộ y tế về công tác an toàn, vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ;
- + Năm 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007 là Đảng bộ trong sạch vững mạnh trong đó năm 2000, 2003, 2004 là trong sạch vững mạnh tiêu biểu;
- + Năm 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007 Công đoàn Công ty đạt danh hiệu vững mạnh xuất sắc;
- + Năm 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007 Tổ chức Đoàn thanh niên CS HCM xuất sắc.

**CÔNG TY CP CAO SU ĐÀ NẴNG
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Sở GD&ĐT TP HCM
- Lưu HĐQT – Công ty